

Số: 101/BC-NH1

Nghĩa Hành, ngày 11 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý II/2025

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THPT số 1 Nghĩa Hành báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý II/2025 như sau:

I/ Về thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí:

- Tổng thu học phí quý 2 năm 2025 đạt 0 đồng, chiếm 0% dự toán thu của năm.

- Chi nguồn thu phí: 112,075 triệu đồng, chiếm 10,2% chi nguồn thu học phí năm 2025.

II/ Về chi ngân sách nhà nước:

Tổng chi NSNN Quý II/2025 đạt 4.527,778 triệu đồng, chiếm 24,2% dự toán năm được giao, tăng 27,2 % so với số thực hiện của cùng kì năm trước. Cụ thể:

a) Chi kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 4.514,578 triệu đồng, chiếm 24,3% dự toán giao nhiệm vụ thường xuyên của năm.

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên: 13,2 triệu đồng, chiếm 7,9% dự toán năm được giao.

(Chi tiết tại Biểu số 03 đính kèm)

Chi Ngân sách nhà nước tại đơn vị trong Quý II/2025 được thực hiện theo đúng quy định hiện hành, bám sát dự toán được giao, tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội, đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán.

Trên đây là nội dung công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý II/2025 của Trường THPT số 1 Nghĩa Hành.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Ngãi (Phòng KHTC);
- Lãnh đạo đơn vị;
- Website trường;
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Triều

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG THPT SỐ 1 NGHĨA HÀNH

Chương: 422

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 2	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	1,104,000,000	0	0.0%	0.0%
	Học phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1,104,000,000	112,075,000	10.2%	97.6%
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	1,104,000,000	112,075,000	10.2%	97.6%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 2	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	18,747,000,000	4,527,778,810	24.2%	127.2%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18,580,000,000	4,514,578,810	24.3%	127.6%
	Tiền lương	8,901,360,000	2,272,825,386	25.5%	
	Phụ cấp lương	5,089,326,000	1,212,347,834	23.8%	
	Tiền thưởng	57,500,000	107,500,000	187.0%	
	Phúc lợi tập thể		3,458,070		
	Các khoản đóng góp	2,562,314,000	643,083,197	25.1%	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		17,120,000		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	104,640,000	23,392,900	22.4%	
	Vật tư văn phòng	153,435,400	25,975,640	16.9%	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	45,500,000	5,140,173	11.3%	
	Hội nghị	30,000,000	15,628,636	52.1%	
	Công tác phí	97,000,000	3,000,000	3.1%	
	Chi phí thuê mướn	25,000,000	17,917,800	71.7%	
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	195,000,000	6,018,106	3.1%	
	Mua sắm tài sản	544,000,000		0.0%	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	729,924,600	154,502,800	21.2%	
	Chi khác	45,000,000	350,268	0.8%	
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	0	6,318,000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	167,000,000	13,200,000	7.9%	63.3%
	KP thực hiện chính sách cho Gv theo NĐ 28/2012	87,000,000	-	0.0%	
	KP hỗ trợ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	80,000,000	13,200,000	16.5%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 2	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Kế toán



Võ Thị Thuý Liễu

Ngày 15 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Lê Văn Triều

